

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2021/DS-PT**

Ngày: 26 - 01 - 2021

V/v: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Lê Phước Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2020/TLPT-DS ngày 27-10-2020 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 15-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 627/2021/QĐ-PT ngày 13-01-2021, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Cụ Trần Xuân C - Sinh năm 1935.

Địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 21 Đường N, Tổ dân phố 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông Bùi Minh D, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 99 Đường C, Tổ dân phố 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Minh D: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 100/8A đường A, phường T1, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Chị Bùi Thị Thanh Th1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 1, xã C1, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Anh Bùi Đại A1, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 99 Đường C, Tổ dân phố 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị Thanh L, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu: Số 99 Đường C, Tổ dân phố 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; hiện đang cư trú tại: Canada; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Thị Thanh Th1, anh Bùi Đại A1, chị Bùi Thị Thanh L: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 100/8A đường A, phường T1, thành phố B2, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

+ Cụ Ngô Thị Th2, sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L2, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 57 Đường N, Tổ dân phố 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

* Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Trần Xuân C là bà Trần Thị Th, bị đơn ông Bùi Minh D và đại diện theo ủy quyền của người có quyền, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Thanh Th1, bà Trần Thị L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Xuân C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày:

Vợ chồng cụ Trần Xuân C và cụ Ngô Thị Th2 sinh được 07 người con, trong đó có chị Trần Thị L1, sinh năm 1963 là con gái đầu của các cụ. Chị L1 kết hôn anh Bùi Minh D và đã sinh được 03 người con chung là cháu Bùi Thị Thanh Th1, cháu Bùi Thị Thanh L, cháu Bùi Đại A1. Chị Trần Thị L1 không may bị bệnh đã chết vào ngày 14-5-2019, khi chết chị L1 không để lại di chúc. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh Bùi Minh D và chị Trần Thị L1 có tạo lập một số tài sản:

+ 01 lô đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H 06747 được UBND huyện K cấp ngày 01-10-2007 mang tên hộ ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1, thửa số 937, tờ bản đồ số 9, diện tích 220m², đất tọa lạc tại số 99 Đường C, TDP 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trị giá lô đất: 1.700.000.000 đồng.

+ 01 lô đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 299535 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15-5-2018 mang tên ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1, thửa đất số tọa lạc tại thôn 6, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trị giá lô đất: 130.000.000đồng.

+ 03 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng A3 Chi nhánh K trị giá 600.000.000đồng.

+ Tiền vốn dùng để kinh doanh dịch vụ cầm đồ tại số 99 Đường C, TDP 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trị giá 600.000.000đồng.

Về nợ chung: Anh Dung và chị L1 không nợ ai.

Tổng giá trị tài sản: 3.030.000.000đồng.

Các tài sản nêu trên hiện nay anh Bùi Minh D đang quản lý và sử dụng.

Vì lý do chị L1 chết không để lại di chúc định đoạt tài sản của mình cho bất cứ ai và giữa các bên không thống nhất được phân chia di sản thừa kế của chị L1 nên cụ Trần Xuân C là bố đẻ của chị L1 làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của chị Trần Thị L1 nằm trong khối tài sản chung với anh Dung đối với các tài sản nêu trên theo quy định pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Bùi Minh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Bùi Thị Thanh Th1, cháu Bùi Thị Thanh L, cháu Bùi Đại A1 là chị Đặng Thanh Q trình bày:

Thông nhất với ý kiến của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống giữa bà Trần Thị L1 là con gái cụ Trần Xuân C và cụ Ngô Thị Th2, về quan hệ hôn nhân ông Bùi Minh D là chồng bà Trần Thị L1 đã chết vào ngày 14-5-2019, quá trình chung sống vợ chồng ông D, bà L1 sinh được 03 người con gồm chị Bùi Thị Thanh Th1, chị Bùi Thị Thanh L, anh Bùi Đại A1 và trong thời kỳ hôn nhân ông D, bà L1 có tạo lập được 02 lô đất như nguyên đơn đã trình bày. Ngoài 02 thửa đất này, vợ chồng ông D và bà L1 không còn tài sản nào chung khác. Tuy nhiên đề nghị Tòa án xem xét các nghĩa vụ tài sản và chi phí liên quan đến di sản thừa kế của bà Trần Thị L1, cụ thể:

1. Đề nghị Tòa án xem xét nghĩa vụ tài sản trong quá trình chung sống vợ chồng ông D, bà L1 có vay tiền của một số người để nuôi các con đi học, chữa bệnh cho bà L1 mà đến nay vẫn chưa trả và chi phí cho việc mai táng khi bà L1 chết, cụ thể:

- Về nợ chung:

+ Ngày 09-11-2017 ông Bùi Minh D vay ông Nguyễn Tường P 400.000.000đồng.

+ Ngày 06-5-2018 ông Bùi Minh D vay ông Nguyễn Tường P 300.000.000đồng.

+ Ngày 25-3-2018 ông Bùi Minh D vay ông Nguyễn Tường P 150.000.000đồng.

+ Ngày 20-10-2018 ông Bùi Minh D ký hợp đồng vay tiền ông Nguyễn Tường P 500.000.000đồng.

+ Ngày 11/3/2019 ông Bùi Minh D vay ông Lê Thế Q 500.000.000đồng.

Như vậy, tổng nợ: 1.850.000.000đồng.

- Về chi phí mai táng khi bà L1 chết: Gia đình ông Bùi Minh D đã chi phí mai táng hết tổng số tiền 78.637.000đồng, thể hiện tại các tài liệu: Giấy xác nhận của tài xế Trần Ngọc T2 trở linh cữu bà L1 số tiền 1.100.000đồng, Giấy xác nhận của cơ sở dịch vụ U số tiền 45.000.000đồng, Giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị L3 dịch vụ tang lễ LĐ số tiền 20.500.000đồng, Giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị T3 mua các vật dụng cho tang lễ số tiền 6.000.000đồng, Hóa đơn số 0000495 của

CTCP đô thị môi trường Nha Trang về dịch vụ hỏa táng ở Nha Trang số tiền 6.037.000đồng.

2. Đề nghị Tòa án xem xét đến các chi phí chữa bệnh cho bà Trần Thị L1 trong khoảng thời gian hơn 2 năm (từ năm 2017 đến khi bà L1 chết vào ngày 14-5-2019) bị bệnh nặng với tổng số tiền 873.642.231 đồng được thể hiện tại các tài liệu gồm: Giấy xác nhận của ông Bùi Đức L4, xác nhận của ông Nguyễn Văn G, xác nhận của bà Nguyễn Thị M, giấy xác nhận của ông Đỗ Hữu H2, giấy xác nhận của ông Nguyễn Thái T4, giấy xác nhận của bà Phạm Thị L5, phiếu thanh toán phòng khám y học TT, giấy xác nhận của ông Nguyễn Quang H3, giấy xác nhận của ông Phạm Thanh V (Hồ Nhật V), giấy xác nhận của bà Lê Thị Thu Ng, Hóa đơn chi phí xét nghiệm ngày 11-01-2019, bản sao kê ngân hàng từ năm 2018-2019; Mua thuốc tại Mỹ ngày 14-01-2019, ngày 20-3-2019, ngày 11-4-2019; Phiên dịch buổi khám bệnh của bác sĩ tháng 12/2018, tháng 01/2019, tháng 02/2019, tháng 03/2019, tháng 04/2019; Phí phiên dịch xét nghiệm, Bác sỹ Dr. Javier Hernández khám bệnh: tháng 12/2018, tháng 01/2019, tháng 02/2019, tháng 3/2019, tháng 4/2019, tháng 5/2019; Máy Lọc nước Aquasana mua từ Mỹ tháng 02/2019.

3. Đề nghị Tòa án xem xét đến các chi phí du học của chị Bùi Thị Thanh L hiện đang học tại Canada với tổng số tiền là 1.053.707.580 đồng thể hiện qua tài liệu: Bảng kê chi phí học từng năm, Sao kê ngân hàng sinh hoạt phí đã đóng, 02 vé máy bay, Chứng nhận tốt nghiệp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người đại diện theo ủy quyền của cụ Ngô Thị Th2 là bà Trần Thị L2 trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bố tôi cụ Trần Xuân C là chị Trần Thị Th đã trình bày. Đề nghị Tòa án phân chia di sản của chị Trần Thị L1 đã chết vào ngày 14-5-2019 theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 15-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

1. Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 4 Điều 91; Điều 147 khoản 2 Điều 165, Điều 241, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 611, Điều 612, Điều 613, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 658, Điều 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 167 và Điều 179 của Luật Đất đai. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Xuân C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 đã chết vào ngày 14/5/2019 không để lại di chúc. Di sản của bà Trần Thị L1 nằm trong khối tài sản chung với ông Bùi Minh D gồm:

- 01 căn nhà cấp 4 và lô đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H06747 được UBND huyện K cấp ngày 01-10-2007 mang tên hộ ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1, thửa số 937, tờ bản đồ số 9, diện tích 220m², đất tọa lạc tại số 99 Đường C, TDP 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giá trị đất + nhà: 1.605.468.410đồng.

- 01 lô đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 299535 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15-5-2018 mang tên ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1, thửa đất số tọa lạc tại thôn 6, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giá trị: 85.000.000đồng.

- 90.000.000đồng tiền vốn dùng để kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

2. Bác một phần đơn khởi kiện của cụ Trần Xuân C đối với yêu cầu Tòa án phân chia di sản của bà Trần Thị L1 nằm trong khối tài sản chung ông Bùi Minh D gồm có 03 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng A3 Chi nhánh K số tiền 600.000.000đồng, tiền vốn để kinh doanh dịch vụ cầm đồ trị giá 510.000.000đồng.

Ông Bùi Minh D có trách nhiệm trả giá trị nhà, đất, vốn dịch vụ cầm đồ cho cụ Trần Xuân C, cụ Ngô Thị Th2, chị Bùi Thị Thanh Th1, chị Bùi Thị Thanh L, anh Bùi Đại A1 mỗi người được hưởng di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 số tiền là 118.871.058 đồng.

Giao toàn bộ nhà, đất, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ DL cho ông Bùi Minh D. Ông Bùi Minh D được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H 06747 được UBND huyện K cấp ngày 01-10-2007 mang tên hộ ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1, thửa số 937, tờ bản đồ số 9, diện tích 220m², đất tọa lạc tại số 99 Đường C, TDP 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 299535 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15-5-2018 mang tên ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1, thửa đất số tọa lạc tại thôn 6, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 4018002675 ngày 10-01-2014 của Phòng Tài chính - Kế hoạch UBND huyện K theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án.

Ngày 28-9-2020, bà Trần Thị Th và bà Trần Thị L2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cụ Trần Xuân C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Ngô Thị Th2 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 29/9 đến 01-10-2020, bị đơn ông Bùi Minh D và người đại diện theo

ủy quyền của người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh Th1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự có kháng cáo không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nội dung kháng cáo. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hủy Bản án số 12/2020/DS-ST ngày 15-9-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Th, bị đơn ông Bùi Minh D và đại diện theo ủy quyền của người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh Th1, bà Trần Thị L2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng cụ Trần Xuân C và cụ Ngô Thị Th2 sinh được 07 người con, trong đó có bà Trần Thị L1, sinh năm 1963 (con gái đầu của cụ C, cụ Th2). Bà L1 kết hôn ông Bùi Minh D và đã sinh được 03 người con chung là Bùi Thị Thanh Th1, Bùi Thị Thanh L, Bùi Đại A1. Bà Trần Thị L1 bị bệnh đã chết vào ngày 14-5-2019. Khi chết bà L1 không để lại di chúc và di sản chưa được phân chia nên cụ Trần Xuân C khởi kiện yêu cầu chia di sản của bà L1 trong khối tài sản chung với ông Bùi Minh D là đúng pháp luật. Tài sản và quyền tài sản chung của vợ chồng ông D, bà L1 có trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 căn nhà cấp 4 nằm trên diện tích 220m² thuộc thửa số 937, tờ bản đồ số 9, tổ dân phố 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trị giá trị 1.605.468.410 đồng; 01 lô đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 299535 ngày 15-5-2018 tại thôn 6, xã B, huyện C2 trị giá 85.000.000 đồng và 90.000.000 đồng tiền vốn dùng để kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Tổng khối tài sản là 1.780.468.410 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm phân tích là đúng.

[3] Đối với các khoản chi phí:

Bà Trần Thị L1 bị bệnh một thời gian dài từ năm 2017 đến năm 2019 đã đi khám chữa bệnh khắp nơi và mua thuốc ở nước ngoài điều trị tổng cộng 873.642.231 đồng có đầy đủ hóa đơn chi phí từng khoản cụ thể, rõ ràng. Đây là chi phí thực tế và cần thiết đối với bà Trần Thị L1 nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận khoản chi phí này để khấu trừ vào tài sản chung của vợ chồng ông D, bà L1 khi bà L1 còn sống là thiếu sót, do đó cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

Về chi phí mai táng phí: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Minh D chấp nhận khoản tiền Tòa án cấp sơ thẩm khấu

trừ 58.137.000 đồng tiền chi phí mai táng cho bà Trần Thị L1 nên Hội đồng không đề cập xem xét.

Đối với các khoản nợ vay của ông Nguyễn Tường P, ông Lê Thế Q tổng cộng 1.850.000.000 đồng (ngày 09-11-2017: 400.000.000đ; 06-5-2018: 300.000.000đ; ngày 25-3-2018: 150.000.000đ; 20-10-2018: 500.000.000đ; 11-3-2019: 500.000.000đ) ông Bùi Minh D cho rằng vay tiền để chữa bệnh cho bà Trần Thị L1 và chi phí học tập cho Nguyễn Thị Thanh L số tiền 1.053.707.580 đồng. Về vấn đề này, Hội đồng xét thấy, số tiền 873.642.231 đồng chữa bệnh cho bà Trần Thị L1 đã được chấp nhận như phân tích nêu trên, do vậy không có cơ sở chấp nhận các khoản vay này. Riêng tiền học tập của cháu Nguyễn Thị Thanh L ở Canada với tổng số tiền là 1.053.707.580 đồng và tiền chị L, chị Th1 đóng góp sửa nhà 85.000.000 đồng, góp vốn vào kinh doanh cầm đồ 80.000.000 Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích một cách khách quan và không chấp nhận các khoản này là đúng.

Đối với nội dung yêu cầu xem xét, định giá lại tài sản của ông D, bà L1 gồm nhà, đất như phân tích ở phần [2], Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã thành lập các cơ quan có nghiệp vụ chuyên môn định giá theo quy định pháp luật. Giá trị tài sản chung của vợ chồng ông D, bà L1 được định giá theo giá thị trường tại địa phương nên không có cơ sở chấp nhận. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai chia thừa kế di sản của bà L1 07 kỷ phần là không phù hợp cần điều chỉnh lại.

[4] Về chia thừa kế:

Hàng thừa kế của bà Trần Thị L1, gồm: Các con của bà L1, ông D là chị Bùi Thị Thanh Th1, chị Bùi Thị Thanh L, anh Bùi Đại A1, ông Bùi Minh D và 02 cụ Trần Xuân C, cụ Ngô Thị Th2. Di sản của bà L1 trong khối tài sản chung với ông D, gồm: 01 căn nhà, đất 220m² thuộc thửa số 937, tờ bản đồ số 9 trị giá 1.605.468.410 đồng; 01 lô đất tại thôn 6, xã B trị giá 85.000.000 đồng và 90.000.000 đồng tiền vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Tổng cộng 1.780.468.410 đồng. Cụ thể:

Tổng giá trị tài sản vợ chồng ông D, bà L1 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân khi bà L1 còn sống là 1.780.468.410 đồng, khấu trừ tiền thuốc, chi phí chữa bệnh 873.642.231 đồng và tiền chi phí mai táng bà L1 số tiền 58.137.000 đồng, còn lại 848.689.179 đồng. Do là tài sản chung vợ chồng nên chia cho ông D $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản: 424.344.589đ (848.689.179đ : 2). Di sản của bà L1 để lại chia thừa kế thành 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng 70.724.098đ (424.344.589đ : 6). Như vậy, ông Bùi Minh D được chia số tiền 495.068.196 đồng (424.344.589đ + 70.724.098đ). Cụ Trần Xuân C, cụ Ngô Thị Th2 được chia số tiền 141.448.196đ (70.724.098đ x 2). Chị Bùi Thị Thanh Th1, chị Bùi Thị Thanh L, anh Bùi Đại A1 được chia 212.172.294đ (70.724.098đ x 3).

Về hiện vật là nhà, đất tại thửa số 937, tờ bản đồ số 9, diện tích 220m², đất tọa lạc tại số 99 Đường C, TDP 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 299535 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15-5-2018; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ DL cấp sơ thẩm giao cho ông Bùi Minh D quản lý, sử dụng và định đoạt là đúng.

Ông Bùi Minh D phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho cụ Trần Xuân C, cụ Ngô Thị Th2 số tiền 141.448.196 đồng.

Ông Bùi Minh D phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho chị Bùi Thị Thanh Th1, chị Bùi Thị Thanh L, anh Bùi Đại A1 số tiền 212.172.294 đồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận một phần đơn kháng cáo đề nghị định giá lại tài sản của người đại diện theo ủy quyền cụ Trần Xuân C là bà Trần Thị Th và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Ngô Thị Th2 là bà Trần Thị L2; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Minh D, người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh Th1; phần chia lại kỷ phần thừa kế. Sửa Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Cụ Trần Xuân C, cụ Ngô Thị Th2 và ông Bùi Minh D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Th, bà Trần Thị L2 và chị Bùi Thị Thanh Th1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Chị Bùi Thị Thanh Th1, chị Bùi Thị Thanh L, anh Bùi Đại A1 phải chịu án dân sự sơ thẩm số tiền 10.608.614đ (212.172.294đ x 5%).

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Không chấp nhận một phần kháng cáo đề nghị định giá lại tài sản của người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Th, bà Trần Thị L2; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Minh D và người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Thanh Th1; phần chia lại kỷ phần thừa kế. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 15-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. **Xử:**

Áp dụng khoản 1 Điều 611, Điều 612, Điều 613, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 658, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, Điều 179 của Luật Đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Xuân C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị L1 đã chết vào ngày 14-5-2019

không để lại di chúc. Di sản của bà Trần Thị L1 nằm trong khối tài sản chung với ông Bùi Minh D gồm: 01 căn nhà cấp 4 và lô đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H 06747 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 01-10-2007 mang tên hộ ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1, thửa số 937, tờ bản đồ số 9, diện tích 220m², đất tọa lạc tại số 99 Đường C, Tổ dân phố 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trị giá 1.605.468.410 đồng; 01 lô đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 299535 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15-5-2018 mang tên ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1 tại thôn 6, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trị giá 85.000.000 đồng; 90.000.000 đồng tiền vốn kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Tổng giá trị 1.780.468.410 đồng.

2. Ông Bùi Minh D được nhận kỷ phần thừa kế số tiền 495.068.196đ (*bốn trăm chín mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng*). Giao toàn bộ nhà, đất, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ DL cho ông Bùi Minh D. Ông Bùi Minh D được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H 06747 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 01-10-2007 mang tên hộ ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1, thửa số 937, tờ bản đồ số 9, diện tích 220m² tại số 99 Đường C, Tổ dân phố 3, thị trấn B1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 299535 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15-5-2018 mang tên ông Bùi Minh D, bà Trần Thị L1 tại thôn 6, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 4018002675 ngày 10-01-2014 của Phòng Tài chính - Kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện K theo quy định của pháp luật.

3. Buộc ông Bùi Minh D phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho cụ Trần Xuân C, cụ Ngô Thị Th2 tổng số tiền 141.448.196đ (*một trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng*).

4. Buộc ông Bùi Minh D phải thanh toán kỷ phần thừa kế cho chị Bùi Thị Thanh Th1, chị Bùi Thị Thanh L, anh Bùi Đại A1 số tiền 212.172.294đ (*hai trăm bốn mươi hai triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi bốn đồng*).

5. Bác một phần đơn khởi kiện của cụ Trần Xuân C đối với yêu cầu Tòa án phân chia di sản của bà Trần Thị L1 nằm trong khối tài sản chung ông Bùi Minh D gồm có 03 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng A3 Chi nhánh K số tiền 600.000.000 đồng, tiền vốn để kinh doanh dịch vụ cầm đồ trị giá 510.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

II. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b, c khoản 1 Điều 24; Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Cụ Trần Xuân C, cụ Ngô Thị Th2 và ông Bùi Minh D được miễn án dân sự.

Chị Bùi Thị Thanh Th1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị Bùi Thị Thanh Th1, chị Bùi Thị Thanh L, anh Bùi Đại A1 phải chịu án dân sự sơ thẩm số tiền 10.608.614 đồng, nhưng được trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0015497 ngày 09-10-2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Chị Bùi Thị Thanh Th1, chị Bùi Thị Thanh L, anh Bùi Đại A1 còn phải nộp số tiền 10.308.614đ (*mười triệu, ba trăm lẻ tám nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 26 - 01 - 2021.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu